

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠI HOÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠI HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI HOANG CONSULTANT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109127597

**3. Ngày thành lập:** 13/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Kiot số 19B, Tầng 1, Toà V5, Khu nhà ở XH The Vesta Phú Lãm, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975.303.848

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291     |
| 10. | Phá dỡ                                                                | 4311     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động dò mìn)                           | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329     |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.</p> <p>Thiết kế công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện.</p> <p>Khảo sát trắc địa công trình.</p> <p>Khảo sát đo đạc công trình xây dựng.</p> <p>Khảo sát địa hình.</p> <p>Khảo sát địa chất công trình.</p> <p>Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc.</p> <p>Thiết kế công trình công nghiệp (nhà, xưởng sản xuất, công trình phụ trợ, nhà kho, công trình kỹ thuật phụ thuộc).</p> <p>Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi.</p> <p>Thẩm tra thiết kế, dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi</p> <p>Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi.</p> <p>Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.</p> | 7110(Chính) |
| 17. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>( Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7490        |
| 18. | <p>Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>( Trừ hoạt động đấu giá )</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4511        |
| 19. | <p>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống</p> <p>( Trừ loại nhà nước cấm )</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4620        |
| 20. | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>( Trừ loại nhà nước cấm )</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |
| 21. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Buôn bán các loại máy móc có động cơ và các linh kiện thay thế; máy móc, thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất, thiết bị thí nghiệm, thiết bị giảng dạy, máy móc thiết bị y tế và môi trường;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4659        |
| 22. | <p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4752        |
| 23. | <p>Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4753        |
| 24. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4759        |
| 25. | <p>Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4741        |

|     |                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------|------|
| 26. | In ấn                                           | 1811 |
| 27. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem) | 1812 |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác      | 4299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ HỒNG THẢO | Khu ĐG QSD đất Man Bôi Góc Găng, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 160.000    | 1.600.000.000         | 32,000    | 0351870044<br>23                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                           | Tổng số                   | 160.000    | 1.600.000.000         | 32,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                        |                           |         |               |        |                  |  |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 2 | TRẦN NGỌC CHUNG | Tổ dân phố 9, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 180.000 | 1.800.000.000 | 36,000 | 0350870006<br>21 |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                        | Tổng số                   | 180.000 | 1.800.000.000 | 36,000 |                  |  |
| 3 | TRẦN THỊ THƠM   | Xóm 24, Xã Hòa Hậu, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  | 168283994        |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần phổ thông         | 160.000 | 1.600.000.000 | 32,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                        | Tổng số                   | 160.000 | 1.600.000.000 | 32,000 |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN NGỌC CHUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/06/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035087000621

Ngày cấp: 04/04/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 9, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn 1406V3, khu nhà ở XH The Vesta Phú Lãm, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội